

Bản án số: 604/2022/HS-PT  
Ngày 26 tháng 8 năm 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Thủy;

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Đức Xuân;

Bà Nguyễn Thị Thụy V.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 360/2022/TLPT-HS ngày 09 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn Nh và các bị cáo khác; Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Nh, nguyên đơn dân sự và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HSST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:**

1/. **Nguyễn Văn Nh**, sinh ngày 29/10/1992, tại Quảng Trị. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Tr, huyện Tr1, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Công nhân; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn T, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị X, sinh năm 1968; có vợ tên Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1995; con có 01 người, sinh tháng 10/2020; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 25/3/2021 đến nay. (có mặt)

2/. **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1983, tại Quảng Nam. Nơi cư trú: đường DX 076, phường Đ, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Th, sinh năm 1960 và bà Đinh Thị H, sinh năm 1962; có vợ tên Lồng Dậu L, sinh năm 1987; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2007 và nhỏ nhất sinh 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/3/2009, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử

thách 18 tháng, về tội “Trộm cắp tài sản”; bị bắt tạm giam từ ngày 04/10/2021 đến nay. (có mặt)

3/. **Lê Văn Nh1**, sinh ngày 11/9/1986, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp M, xã M1, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Công nhân; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 10/12; con ông Lê Văn Th, sinh năm 1948, và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951; bản thân chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang tại ngoại. (vắng mặt)

4/. **Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 17/3/1991, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp T, xã Ch, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Công nhân; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968 và bà Lê Ngọc H, sinh năm 1969; có vợ tên Nguyễn Thê N, sinh năm 1995; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2017 và nhỏ nhất sinh 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang tại ngoại. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Nh*: Luật sư V Đình M – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V*: Luật sư Nguyễn Trung H – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Nguyên đơn dân sự*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn giày V. Địa chỉ: Khu công nghiệp L mở rộng, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

*Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn giày V*: Ông Trần Thế L – Giám đốc.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Trần Thế L*: Bà Trần Thị Thanh Nh; Địa chỉ: xã B, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

*(Trong vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Nh là nhân viên quản lý kho nguyên liệu hạt nhựa và hóa chất của Công ty Trách nhiệm hữu hạn giày V (gọi tắt là Công ty V), trụ sở tại khu công nghiệp L, thuộc xã L, huyện C, tỉnh Long An. Nh có nhiệm vụ, quyền hạn là quản lý, đề nghị mua hạt nhựa và hóa chất, nhận hàng từ nhà cung cấp, phát hàng cho tổ sản xuất. Lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Nh cấu kết với Nguyễn Văn V, Lê Văn Nh1 và Nguyễn Văn Đ chiếm đoạt hạt nhựa và keo dán giày của Công ty V như sau:

Nguyễn Văn Nh cấu kết với Nguyễn Văn V là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V (Gọi tắt là Công ty V), địa chỉ thành phố Th, tỉnh Bình Dương, có ký hợp đồng cung cấp hạt nhựa cho Công ty V từ năm 2017 đến năm 2020. Quá trình giao nhận hạt nhựa, Nh bàn bạc với V chiếm đoạt hạt nhựa của Công ty V như sau: Căn cứ vào tình hình thực tế tại kho, Nh lập Phiếu đề

nghe mua hạt nhựa và ký tên tại mục Người yêu cầu, Nh đưa anh Hà Văn Th ký tên ở mục Chủ quản tổ, sau đó Nh trình Giám đốc Công ty ký duyệt rồi chuyển phiếu đề nghị mua hàng đến bộ phận mua hàng lập Đơn đặt hàng gửi email cho Công ty V, trong đó có ngày giao hàng. Sau khi nhận được đơn đặt hàng, V và Nh liên hệ thống nhất số lượng hạt nhựa phải giao đến kho Công ty V, số hạt nhựa chiếm đoạt của Công ty V, V đem bán cho người khác, nhưng Nh vẫn ký vào Phiếu giao hàng là nhận đủ số lượng hạt nhựa theo đơn đặt hàng. Sau đó, Nh tập hợp chứng từ gửi lại bộ phận đặt hàng kiểm tra, đối chiếu với đơn đặt hàng rồi chuyển cho bộ phận kế toán kiểm tra lần cuối và làm thủ tục chuyển tiền trả cho Công ty V. V rút số tiền Công ty V chuyển trả tương đương với số lượng hạt nhựa không giao cho Công ty V, V nộp 10% thuế giá trị gia tăng, còn lại V và Nh chia đôi. Để hợp thức số lượng hạt nhựa mà Nh và V chiếm đoạt, không nhập vào kho Công ty V, Nh sửa các Phiếu lãnh hàng của tổ sản xuất, nâng số lượng hàng đã xuất kho lên, để lãnh đạo Công ty V không phát hiện. Với thủ đoạn nêu trên, từ tháng 01/2018 đến tháng 02/2020, Nh cấu kết với V chiếm đoạt của Công ty V tổng cộng 159.913kg hạt nhựa các loại, gồm: ABS709: 6.100kg, ABS757: 37.581kg, PP CP55N (K10 lock): 34.282kg, TPR nhẹ: 1.950kg, TPR 70-73: 2.000kg, TPU95A: 55.000kg, TR màu nâu: 7.000kg, TR65 màu đen: 16.000kg.

Theo Kết luận giám định số 5539/KLGD-STC ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Sở tài chính tỉnh Long An kết luận số tiền chênh lệch giữa thực tế giao hàng so với chứng từ thanh toán và đơn giá là 12.213.126.000 đồng.

Cũng với thủ đoạn nêu trên, ngày 05/3/2020, Nh lập phiếu đề nghị mua hàng là 180 thùng keo các loại: RVRFE 01 thùng, RV111T 20 thùng, RV1015F 08 thùng, RV1017AB 06 thùng, RV163N1 50 thùng, RV766N 80 thùng, RV766NB1 15 thùng, Nh đưa anh Hà Văn Th ký tên ở mục Chủ quản tổ, sau đó Nh chuyển cho anh Huỳnh Thoại L là Phó Giám đốc Công ty ký duyệt, Nh gửi phiếu đề nghị mua keo cho bộ phận mua hàng lập đơn đặt hàng gửi email cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn N (gọi tắt là Công ty N), địa chỉ thành phố D, tỉnh Bình Dương. Ngày 07/3/2020, bộ phận văn phòng Công ty N phân công Lê Văn Nh1 và Nguyễn Văn Đ là tài xế và phụ xe của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại - Dịch vụ H (Gọi tắt là Công ty H) ngày 09/3/2020 vận chuyển 180 thùng keo nêu trên giao cho Công ty V và 48 thùng keo khác giao cho Công ty S tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Theo trình bày của Đ và Nh1: Khoảng 17 giờ ngày 07/3/2020, sau khi chất 228 thùng keo lên xe ô tô tải biển số 61C-350.41, Trần Quang Th1 là tài xế lái xe cho Công ty VD cùng ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa cho Công ty N, điện thoại rủ Lê Văn Nh1 thỏa thuận với Nguyễn Văn Nh chiếm đoạt keo của Công ty V đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, Nh1 đồng ý. Sau đó, Th1 điện thoại thỏa thuận và thống nhất với Nh, khi Nh1 giao hàng sẽ giữ lại 85 thùng keo của Công ty V để bán cho Th1 với giá 18.750.000 đồng, rồi Th1 điện thoại thông báo cho Nh1 biết và kêu Nh1 đến gặp Th1 lấy tiền trả cho Nh. Khoảng 19 giờ ngày 08/3/2020, Nh1 đến nhà Th1 lấy 18.750.000 đồng để trả cho Nh. Khoảng 05 giờ sáng ngày 09/3/2020, Nh1 điều khiển xe ô tô tải biển số 61C-350.41 chở Nguyễn Văn Đ và 228 thùng keo đi giao cho Công ty V và Công ty S. Trên đường đi, Nh1 nói cho Đ biết việc Th1 thỏa thuận với Nh chiếm đoạt 85 thùng keo của Công ty V đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài và rủ Đ cùng thực hiện, Đ đồng

ý, Nh1 đưa cho Đ 18.750.000 đồng cùng hóa đơn, chứng từ giao hàng để Đ đưa cho Nh. Sau khi nhận 95 thùng keo các loại và 18.750.000 đồng, Nh ký vào biên bản giao nhận hàng và hóa đơn giá trị gia tăng là nhận đủ 180 thùng keo theo đơn đặt hàng. Còn lại 85 thùng keo các loại, Nh1 và Đ chở theo đến Công ty S giao 48 thùng keo cho Công ty S. Sau khi chuyển 48 thùng keo sang xe ba gác để chở đến Công ty S giao thì anh Vòng Nhật H - Giám đốc công ty H đến kiểm tra phát hiện trên xe ô tô tải còn 85 thùng keo nên yêu cầu Nh1 và Đ đưa xe về công ty H giải trình và báo Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương đến lập biên bản sự việc và tạm giữ tang vật chuyển Công an huyện C, tỉnh Long An giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 20/KLĐG ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 85 thùng keo các loại nên trên có tổng giá trị là 64.735.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 85 thùng keo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả cho anh Nguyễn Ngọc T đại diện Công ty V nhận.

- Xe ô tô tải biển số 61C-350.41 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe; 04 phiếu yêu cầu xuất hàng số SAK030834 ngày 09/3/2020, số SAK030775 ngày 09/3/2020, số SAK030776 ngày 09/3/2020, số SAK030777 ngày 09/3/2020; 04 hóa đơn giá trị gia tăng số 0005293 ngày 09/3/2020, số 0005275 ngày 09/3/2020, số 0005277 ngày 09/3/2020, số 0005276 ngày 09/3/2020. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả cho anh Vòng Nhật H.

- Nguyễn Văn Đ: 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI màu xanh đen, sim số 0585350034.

- Lê Văn Nh1: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A51, màu đen, sim số 0394685070.

- Nguyễn Văn Nh nộp: 01 điện thoại di động hiệu VERTU S-021122, màu đen, sim số 0967834222; 01 xe mô tô biển số 74D1-30842, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ909120; 01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CN633918, với số tiền 1.100.000.000 đồng nhưng sau đó Nh đến ngân hàng báo mất thẻ tiết kiệm, đề nghị cấp lại thẻ mới và Nh đã rút toàn bộ số tiền này vào ngày 05/10/2020; tiền Việt Nam 1.398.750.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An ra quyết định xử lý vật chứng trả 1.300.000.000 đồng cho Nguyễn Ngọc T đại diện Công ty V nhận.

- Công ty V giao nộp 12 Phiếu lãnh hàng, do bị cáo Nh sửa nâng số lượng hạt nhựa xuất kho giao cho tổ sản xuất.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn V đã thỏa thuận và trả cho Công ty V 8.500.000.000 đồng. Nguyễn Văn Nh đã nộp 1.380.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu VERTU, 01 xe mô tô biển số 74D1-30842, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ909120 để khắc phục hậu quả.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:*

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn V, Lê Văn Nh1 và Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tham ô tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Nh 16 (Mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/3/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 13 (Mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2021.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Văn Nh và Nguyễn Văn V 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 27/4/2022 để bảo đảm cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Áp dụng khoản 5 Điều 353; Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cấm Nguyễn Văn Nh đảm nhiệm chức vụ Nhân viên thủ kho trong thời hạn 03 (Ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Cấm Nguyễn Văn V đảm nhiệm chức vụ Giám đốc trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 353; Điều 17; Điều 38; Điều 50; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Nh1 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn Nh1 về Ủy ban nhân dân xã M1, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng để giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ về Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng để giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới và tổng hợp hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Nh hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn giày V số tiền 3.506.563.000 (Ba tỷ năm trăm lẻ sáu triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn giày V có trách nhiệm hoàn lại cho bị cáo Nguyễn Văn V số tiền bồi hoàn dư là 1.093.437.000 (Một tỷ không trăm chín mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn) đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 04/5/2022, bị cáo Nguyễn Văn Nh có đơn kháng cáo đề nghị chuyển tội danh cho bị cáo từ “Tham ô tài sản” sang tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 06/5/2022, Công ty TNHH giày V có đơn kháng cáo đối với phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không buộc Công ty TNHH giày V trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn V 1.093.437.000 đồng.

Ngày 10/5/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 53/QĐ-VKSLA kháng nghị đối với bản án sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn V; không cho bị cáo Lê Văn Nh1, Nguyễn Văn Đ hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Nh, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH giày V trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Bị cáo Nh là thủ kho, được giao quản lý nguyên liệu hạt nhựa và hóa chất của Công ty V. Bị cáo đã cấu kết với các bị cáo khác lấy nguyên liệu của Công ty V để bán ra bên ngoài, chiếm đoạt tiền của Công ty V. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nh phạm tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Kháng cáo xin đổi tội danh của bị cáo Nh không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nh; giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nh.

Đối với bị cáo V, bị cáo là người giúp sức tích cực cho bị cáo Nh. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo V 13 năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo V, xử phạt bị cáo V từ 14 đến 15 năm tù.

Đối với bị cáo Nh1 và Đ, các bị cáo bị bắt quả tang hành vi phạm tội, với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thì Tòa án cấp sơ thẩm cho các bị cáo

được hưởng án treo là không phù hợp với quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng không cho bị cáo Nh1 và Đ được hưởng án treo.

Về phân trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty V; giữ nguyên bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự.

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Nh trình bày:* Trong vụ án này, bị cáo Nh thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty V; tuy nhiên hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo là tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, không phải tội “Tham ô tài sản” do bị cáo chỉ là nhân viên bảo vệ, không phải thủ kho, không có quyền quản lý tài sản. Các bị cáo có sự bàn bạc trước là ghi không số hàng hóa mua, sau đó bằng thủ đoạn khác nhau hợp thức hóa chứng từ thu chi đối với số hàng hóa chiếm đoạt. Vì vậy, hành vi của bị cáo Nh không đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản”. Bị cáo V là người thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, không phải là đồng phạm của bị cáo Nh nên cần thay đổi tội danh đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, Tòa sơ thẩm đã cá thể hóa trách nhiệm dân sự; bị cáo Nh chiếm đoạt số tiền chiếm 38% nên chỉ chịu trách nhiệm đối với phần này. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

*Bị cáo Nh đồng ý với lời bào chữa của Luật sư và bổ sung thêm:* Bị cáo là nhân viên bảo vệ, không phải là quản lý kho mà chỉ là cấp dưới của quản lý kho nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh.

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V trình bày:* Bị cáo V tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, quá trình điều tra bị cáo đã khắc phục thiệt hại đủ phần của mình. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét vai trò của bị cáo và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, xử phạt bị cáo 13 năm tù là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Đối với kháng cáo của Công ty V về số tiền 1.093.437.000 đồng mà Công ty V phải hoàn lại cho bị cáo V thì đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên án sơ thẩm.

*Bị cáo Nguyễn Văn Đ trình bày:* Bị cáo phạm tội lần đầu, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi lại và trả cho Công ty V. Bị cáo xin Hội đồng xét xử bác kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo.

*Đại diện của nguyên đơn dân sự trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH giày V; sửa án sơ thẩm theo hướng không buộc Công ty TNHH giày V trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn V 1.093.437.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Nh, Công ty TNHH giày V và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An nằm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Văn Nh là nhân viên quản lý kho nguyên liệu hạt nhựa và hóa chất của Công ty Trách nhiệm hữu hạn giày V. Nh được giao nhiệm vụ, quyền hạn là quản lý, đề nghị mua hạt nhựa và hóa chất, nhận hàng từ nhà cung cấp, phát hàng cho tổ sản xuất.

Nguyễn Văn V là Giám đốc Công ty V – đơn vị cung cấp hạt nhựa cho Công ty V. Quá trình giao nhận hạt nhựa, Nh bàn bạc với V chiếm đoạt hạt nhựa của Công ty V bằng hình thức Nh lập Phiếu đề nghị mua hạt nhựa, trình Giám đốc Công ty ký duyệt rồi chuyển phiếu đề nghị mua hàng đến bộ phận mua hàng lập đơn đặt hàng gửi Công ty của V. Sau khi nhận được đơn đặt hàng, V và Nh liên hệ thống nhất số lượng hạt nhựa phải giao đến kho Công ty V; số hạt nhựa chiếm đoạt của Công ty V, V đem bán cho người khác, nhưng Nh vẫn ký vào Phiếu giao hàng là nhận đủ số lượng hạt nhựa theo đơn đặt hàng. Sau đó, Nh tập hợp chứng từ gửi lại bộ phận kế toán để thanh toán tiền cho Công ty V. V rút số tiền Công ty V chuyển trả tương đương với số lượng hạt nhựa không giao cho Công ty V, V nộp 10% thuế giá trị gia tăng, còn lại V và Nh chia đôi. Để hợp thức số lượng hạt nhựa mà Nh và V chiếm đoạt, không nhập vào kho Công ty V, Nh sửa các Phiếu lãnh hàng của tổ sản xuất, nâng số lượng hàng đã xuất kho lên, để lãnh đạo Công ty V không phát hiện. Với thủ đoạn nêu trên, từ tháng 01/2018 đến tháng 02/2020, Nh cấu kết với V chiếm đoạt của Công ty V tổng cộng 159.913kg hạt nhựa các loại. Theo Kết luận giám định số 5539/KLGD-STC ngày 15/11/2021 của Sở tài chính tỉnh Long An kết luận số tiền chênh lệch giữa thực tế giao hàng so với chứng từ thanh toán và đơn giá là 12.213.126.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 05/3/2020, Nh lập phiếu đề nghị mua hàng là 180 thùng keo các loại, trình duyệt và gửi phiếu đề nghị mua keo cho bộ phận mua hàng lập đơn đặt hàng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn N. Quá trình giao 180 thùng keo, Nh bàn bạc với Lê Văn Nh1, Nh1 rủ thêm Nguyễn Văn Đ (thực hiện việc giao hàng) chiếm đoạt 85 thùng sơn của Công ty V bằng cách khi giao 95 thùng keo thì Nh ký vào biên bản giao nhận đã nhận đủ 180 thùng keo theo đơn đặt hàng; còn lại 85 thùng keo các loại, Nh1 và Đ đem về để bán lại cho Trần Quang Th1. Khi Nh1 và Đ mang 85 thùng sơn về thì bị Công ty vận chuyển phát hiện và trình báo cơ quan chức năng. Tại Kết luận định giá tài sản số 20/KLDG ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận 85 thùng keo các loại nên trên có tổng giá trị là 64.735.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn Nh, Lê Văn V phạm tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xét xử bị cáo Lê Văn Nh1, Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tham ô tài sản” theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo xin chuyển tội danh và giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn Nh:



Bị cáo Nh thừa nhận đã thực hiện hành vi khách quan như bản án sơ thẩm đã nêu nhưng cho rằng bị cáo ký hợp đồng với Công ty V với vị trí Nhân viên bảo vệ, không phải thủ kho nên bị cáo không phạm tội “Tham ô tài sản” mà là tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Xét thấy, bị cáo là nhân viên của Công ty V, quá trình làm việc có ký kết hợp đồng lao động; bị cáo được Công ty giao nhiệm vụ quản lý kho nguyên liệu hạt nhựa và hóa chất, thực hiện đề nghị mua hạt nhựa và hóa chất, nhận hàng từ nhà cung cấp, phát hàng cho tổ sản xuất. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản của Công ty V, bị cáo đã cấu kết với nhà cung cấp cắt giảm số lượng hàng hóa được giao để bán ra bên ngoài lấy tiền sử dụng cá nhân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” quy định tại Điều 353 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Về hình phạt, bị cáo bị xét xử theo khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Trong vụ án, bị cáo là người có vai trò chính, thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục cho bị hại số tiền 1.380.000.000 đồng; từ đó áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, r, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo 16 năm tù – dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin chuyển tội danh và giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[2.3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An:

Về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn V: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, trong vụ án, bị cáo tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo Nh; bản thân bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục cho bị hại số tiền 8.500.000.000 đồng; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, là lao động chính. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, r, b khoản 1 Điều 51 và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo 13 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy, mức hình phạt trên đã đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo nên không cần thiết phải tăng nặng hình phạt đối với bị cáo; thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Đối với bị cáo Lê Văn Nh1, Nguyễn Văn Đ: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo Nh. Các bị cáo bị xét xử theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 02 năm tù đến 07 năm tù. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hành vi chiếm đoạt 85 thùng keo của các bị cáo đã bị phát hiện và ngăn chặn hậu quả xảy ra; từ đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54, xử phạt bị cáo Nh1 01 năm tù, bị cáo Đ 09 tháng tù – dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cho các bị cáo được hưởng án treo là không đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về việc không cho bị cáo Nh1, Đ được hưởng án treo.

[2.4] Đối với kháng cáo của Công ty V về phân trách nhiệm dân sự:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền mỗi bị cáo chiếm hưởng và chia đều phần chênh lệch còn thiếu để buộc bị cáo Nguyễn Văn V bồi thường 7.406.563.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn Nh bồi thường 4.806.563.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn Nh và Nguyễn Văn V cấu kết với nhau, cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty V với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 12.213.126.000 đồng. Do đó, các bị cáo phải cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo thực hiện nghĩa vụ bồi thường riêng; từ đó buộc Công ty V hoàn trả lại cho bị cáo V số tiền 1.093.437.000 đồng là không phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty V đối với phân trách nhiệm dân sự.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Nh; có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty V và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát; sửa bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự và việc cho bị cáo Lê Văn Nh1, Nguyễn Văn Đ được hưởng án treo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn Nh phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Nh.

Chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH giày V.

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 53/QĐ-VKSLA ngày 10/5/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HSST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo Lê Văn Nh1, Nguyễn Văn Đ.

1/. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn V, Lê Văn Nh1 và Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tham ô tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Nh** 16 (Mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/3/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V** 13 (Mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 5 Điều 353; Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cấm Nguyễn Văn Nh đảm nhiệm chức vụ Nhân viên thủ kho trong thời hạn 03 (Ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Cấm Nguyễn Văn V đảm nhiệm chức vụ Giám đốc trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 353; Điều 17; Điều 38; Điều 50; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn Nh1** 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2/. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn V liên đới bồi thường cho Công ty TNHH giày V 12.213.126.000 đồng; trong đó bị cáo Nguyễn Văn Nh có trách nhiệm bồi thường 4.806.563.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn V phải bồi thường 7.406.563.000 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn Nh đã bồi thường 1.300.000.000 đồng cho Công ty TNHH giày V; bị cáo Nguyễn Văn V đã bồi thường 8.500.000.000 đồng cho Công ty TNHH giày V.

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Bị cáo Nguyễn Văn Nh phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6/. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thụy V**

**Bùi Đức Xuân**

**Trần Thị Thu Thủy**